TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông Trương Xuân Vũ;
2, Bà Hà Thị Thoan.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn H Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị D**, sinh năm 1992
Trú tại: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh **Mai Văn H**, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lường Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh Mai Văn H kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái ngày 15 tháng 9 năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nhiều lần uống rượu say anh H đánh chị D. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Mai Văn H.

Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung con lớn Mai Cúc Hoa, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2014; con nhỏ Mai Ánh Nguyệt, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2019 con lớn hiện đang ở với anh H, khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án giải quyết để anh H là người trực tiếp nuôi con chung, chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 2.000.000đ (hai triệu đồng) trên một tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải nhiều lần, nhưng anh H không có mặt, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được. Tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, anh H vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D được ly hôn với anh H. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, thu nhập nguyện vọng của con chung. Giao cho anh H là người trực tiếp nuôi hai con chung, chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 2.000.000, đ (hai triệu đồng) trên một tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị D, do bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do anh H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có ly do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị D và anh Mai Văn H kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện L tỉnh Ynăm 2014. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị D, do quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, anh H đi làm ăn xã ít quan tâm đến chị D. Do đó chị D và anh H đã sống ly thân.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cung nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Trên thực tế vợ chồng chị D, anh H thường xảy ra mâu thuẫn, anh H hiện làm công nhân tại thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng có gọi điện hỏi thăm sức khỏe cũng như việc học tập của con chung. Vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế, căn cứ biên bản xác minh ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 17 tháng 5 năm 2022 tòa án đã ghi ý kiến của bà Triệu Thị Bạch là mẹ đẻ anh Mai Văn H, bà Bạch xác nhận anh H chị D sống không hạnh phúc, hiện hai con chung của anh H, chị D đang sinh sống cùng bà Bạch. Do anh H đi làm thuê, biết việc chị D có đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì lý do công việc anh H không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị D.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị D được ly hôn với anh Mai Văn H.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung con lớn Mai Cúc Hoa, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2014; con nhỏ Mai Ánh Nguyệt, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2019.

Căn cứ thu nhập hiện tại anh H làm nghề tự do thu nhập trung bình hằng tháng khoảng 6.000.000,đ (Sáu triệu) đồng, điều kiện chỗ ở ổn định, chị D đồng ý để anh H nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng một con chung, là phù hợp với nguyện vọng của con chung, các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh H là ngươi được nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lường Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị D được ly hôn với anh Mai Văn H.

2. Về con chung: Anh Mai Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, con lớn nhất Mai Cúc Hoa, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2014; con nhỏ Mai Ánh Nguyệt, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2019 chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000,đ (hai triệu đồng) một con chung trên một tháng, tính từ tháng 7 năm 2022 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến khi thi hành xong bản án.

Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Lường Thị D phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí ly hôn và 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2021/0002225 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị D còn phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm chị D, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết./.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7b và 9 luật Thi hành*

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Yên Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh